

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 159/2015/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2015, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn M.V** – sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Chị **Lê Thị B.N** – sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp V, xã Th, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh **Trần Tuấn K** - sinh năm 1970.

Chị **Phạm Ngọc L** - sinh năm 1971.

Ông **Lê Văn M** - sinh năm 1954.

Bà **Nguyễn Thị Kh** - sinh năm 1955.

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã Th, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Ông **Trần Văn S** - sinh năm 1965.

Bà **Phạm Thị T** - sinh năm 1965.

Cùng địa chỉ: Ấp Th, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Bà **Lê Thị Th** - sinh năm 1962.

Địa chỉ chỗ ở trước đây: Ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu chung cư M, phường P, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ chỗ ở hiện nay: Khu phố P, phường C, quận Q, thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 118 và 118 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày

08 tháng 12 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 12 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn M.V và chị Lê Thị B.N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn M.V và chị Lê Thị B.N thuận tình ly hôn.

2.2 Về quan hệ con chung: Giao con chung của anh V và chị N là cháu Lê Nguyễn T.V - sinh ngày 06 tháng 11 năm 2008 và cháu Lê Nguyễn K.V - sinh ngày 23 tháng 8 năm 2011 cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

Anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung đến khi hai con tròn 18 tuổi với tổng số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng được chia làm ba lần, cụ thể như sau:

+ Lần thứ nhất anh V có nghĩa vụ giao cho chị N số tiền 50.000.000đ là ngày 01 tháng 3 năm 2018.

+ Lần thứ hai anh V có nghĩa vụ giao cho chị N số tiền 50.000.000đ là ngày 5 tháng 3 năm 2018.

+ Lần thứ ba anh V có nghĩa vụ giao cho chị N số tiền 50.000.000đ là ngày 17 tháng 7 năm 2018.

2.3 Về quan hệ tài sản:

+ Anh V, chị N và bà Th thống nhất căn nhà bê tông trị giá 220.000.000đ tọa lạc ở ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu là của bà Lê Thị Th, chị N và anh V không tranh chấp căn nhà này.

+ Các tài sản còn lại như: Một tủ lạnh trị giá 4.000.000đ; một tủ áo trị giá 1.800.000đ; một tủ ly trị giá 4.000.000đ; hai cây quạt gió, hai nồi cơm điện, 50 chén Inox và hai bộ xoong tổng trị giá 2.000.000đ; một tủ bếp trị giá 1.100.000đ; một tivi Samsung trị giá 6.800.000đ anh V và chị N tự thỏa thuận phân chia,

không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với các tài sản này.

2.4 Về nợ:

+ Anh V, chị N và bà Kh thống nhất anh V và chị N nợ bà Kh và ông M 6.000.000đ. Anh V và chị N mỗi người có nghĩa vụ trả cho ông M và bà Kh số tiền 3.000.000đ. Anh V đã trả xong cho bà Kh và ông M 3.000.000đ, chị N có nghĩa vụ trả cho bà Kh và ông M số tiền 3.000.000đ còn lại.

+ Anh V, chị N và bà T thống nhất anh V và chị N nợ bà T và ông S số tiền 10.000.000đ. Anh V và chị N mỗi người có nghĩa vụ trả cho ông S và bà T số tiền 5.000.000đ. Anh V đã trả xong cho bà T và ông S 5.000.000đ, chị N có nghĩa vụ trả cho bà T và ông S số tiền 5.000.000đ còn lại.

+ Nợ anh Trần Tuấn K và chị Phạm Ngọc L 14.000.000đ là nợ của bà Th và bà Th đã trả xong số tiền này cho anh K và chị L.

2.5 Về án phí: Anh Nguyễn M.V tự nguyện chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 100.000đ (Một trăm nghìn đồng), anh V tự nguyện nộp án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là 100.000đ (Một trăm nghìn đồng). Anh V đã nộp tạm ứng án phí số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 005217 ngày 18 tháng 12 năm 2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, chuyển thu án phí 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Chị N tự nguyện chịu án phí đối với nghĩa vụ trả nợ là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng). Chị N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 2.996.000đ (Hai triệu, chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002323 ngày 01 tháng 12 năm 2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, chuyển thu án phí số tiền 200.000đ, chị N được nhận lại số tiền 2.796.000đ (Hai triệu, bảy trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị Kh không phải chịu án phí. Ông M đã nộp tạm ứng án phí số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002826 ngày 21 tháng 11 năm 2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, ông M được nhận lại số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Ông Trần Văn S và bà Phạm Thị T không phải chịu án phí. Bà T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002636 ngày 22 tháng 7 năm 2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, bà T được nhận lại số tiền 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Các đương sự còn lại không phải chịu án phí.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền Tỏ thuận thi hành án theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau Khi được ban hành và Không bị Kháng cáo, Kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKHSND huyện Phước Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Thị Đang